|  |
| --- |
|  |
|  |  |
|  |  |

|  |
| --- |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**Số: /2021/TT-NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

 | *Hà Nội, ngày tháng 2021* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

**và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối**

 *Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao dịch;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn các nội dung liên quan đến giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 2. Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước trên thị trường ngoại tệ trong nước**

Ngân hàng Nhà nước thực hiện giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ trong nước với tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối theo phương án can thiệp trong từng thời kỳ.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là tổ chức tín dụng được phép).

2. Giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay (sau đây gọi là giao dịch giao ngay) là giao dịch hai bên thực hiện mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và thanh toán trong vòng 02 (hai) ngày làm việc tiếp theo.

3. Giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn (sau đây gọi là giao dịch kỳ hạn) là giao dịch hai bên cam kết mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán tối thiểu là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.

4. Giao dịch hoán đổi ngoại tệ (sau đây gọi là giao dịch hoán đổi) là giao dịch giữa hai bên, bao gồm một giao dịch mua và một giao dịch bán cùng số lượng một đồng tiền này với một đồng tiền khác với tỷ giá của hai giao dịch xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán của hai giao dịch là khác nhau.

5. Giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ (sau đây gọi là giao dịch quyền chọn) là giao dịch giữa hai bên, trong đó bên mua trả cho bên bán giá mua quyền chọn để có quyền nhưng không có nghĩa vụ mua hoặc bán một lượng ngoại tệ này với một ngoại tệ khác trong một khoảng thời gian do hai bên thỏa thuận theo tỷ giá thực hiện được xác định tại thời điểm giao dịch và thanh toán vào một ngày trong tương lai. Nếu bên mua lựa chọn thực hiện quyền, bên bán phải thực hiện theo nghĩa vụ cam kết. Trong giao dịch quyền chọn, quyền chọn bán đồng tiền này đồng thời là quyền chọn mua đồng tiền khác.

6. Giá mua quyền chọn là số tiền mà bên mua phải trả cho bên bán để mua quyền chọn mua ngoại tệ hoặc mua quyền chọn bán ngoại tệ trong giao dịch quyền chọn.

7. Ngày đáo hạn của giao dịch quyền chọn là ngày cuối cùng mà bên mua được quyền lựa chọn thực hiện quyền nhưng tối đa không quá 02 (hai) ngày làm việc trước ngày thanh toán.

8. Ngày giao dịch là ngày Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép xác lập thỏa thuận giao dịch theo quy định tại Thông tư này.

9. Ngày thanh toán là ngày Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép thực hiện chuyển giao số lượng đồng tiền mua, bán theo thỏa thuận giao dịch đã xác lập vào ngày giao dịch.

10. Quy định nội bộ về quy trình thực hiện giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước là văn bản do tổ chức tín dụng được phép ban hành, trong đó có quy định cụ thể về trách nhiệm, thẩm quyền của các cá nhân, các bộ phận liên quan và hướng dẫn việc thực hiện giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

11. Hướng dẫn thanh toán chuẩn: Là chỉ dẫn thanh toán được tổ chức tín dụng được phép đăng ký với Ngân hàng Nhà nước, trong đó xác định rõ tài khoản thanh toán được sử dụng trong giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 4. Đăng ký, chấp thuận thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ**

1. Tổ chức tín dụng được phép có nhu cầu thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này về Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép trên cơ sở kiểm tra bộ hồ sơ đảm bảo đầy đủ, chính xác.

3. Với mỗi tổ chức tín dụng được phép, Ngân hàng Nhà nước chỉ thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với 01 (một) đầu mối giao dịch đại diện cho mỗi tổ chức tín dụng được phép. Đầu mối giao dịch đại diện cho tổ chức tín dụng được phép là trụ sở/ hội sở chính hoặc 01 (một) chi nhánh của tổ chức tín dụng được phép do tổ chức tín dụng được phép quyết định, đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 5. Hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ**

Hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ bao gồm:

1. Giấy đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 1)

2. Bản sao các giấy tờ sau:

- Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

- Các văn bản chứng minh tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước do Ngân hàng Nhà nước cấp.

3. Quy định nội bộ về quy trình thực hiện giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

4. Hướng dẫn thanh toán chuẩn (theo mẫu tại Phụ lục 2).

5. Danh sách người có thẩm quyền duyệt, ký các văn bản đề nghị giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước, người có thẩm quyền ký xác nhận giao dịch trong trường hợp giao dịch bằng điện thoại (theo mẫu tại Phụ lục 3).

6. Bản thuyết minh về phương tiện giao dịch ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép đảm bảo khả năng giao dịch với Ngân hàng Nhà nước theo các phương thức giao dịch nêu tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

**Điều 6. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ**

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép về việc chấp thuận, yêu cầu sửa đổi hồ sơ hoặc không chấp thuận thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ (trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước nêu rõ lý do).

 Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi hoặc bổ sung, tổ chức tín dụng được phép sửa đổi, bổ sung hồ sơ và gửi đến Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

 **Điều 7. Đồng tiền giao dịch, tỷ giá mua, bán và giá mua quyền chọn**

1. Ngân hàng Nhà nước giao dịch mua, bán Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp thực hiện giao dịch Đồng Việt Nam và loại ngoại tệ khác, Ngân hàng Nhà nước thông báo cho tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ.

2. Tỷ giá mua, bán của từng loại hình giao dịch, giá mua quyền chọn mua, bán ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước quyết định và thông báo cho tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ.

 **Điều 8. Loại hình giao dịch**

Ngân hàng Nhà nước giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ bằng các loại hình giao dịch sau đây:

1. Giao dịch giao ngay;

2. Giao dịch kỳ hạn;

3. Giao dịch hoán đổi;

4. Giao dịch quyền chọn;

5. Các loại hình giao dịch khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

**Điều 9. Kỳ hạn của giao dịch**

 Kỳ hạn của giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi giao dịch quyền chọn tối đa là 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày kể từ ngày giao dịch.

 **Điều 10. Phương tiện và ngôn ngữ giao dịch**

1. Ngân hàng Nhà nước giao dịch với tổ chức tín dụng được phép qua hệ thống giao dịch điện tử của hãng Refinitiv, hãng Bloomberg, thông qua điện thoại hoặc các phương tiện giao dịch khác được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trong từng thời kỳ.

2. Giao dịch ngoại tệ đã được xác nhận trên các phương tiện giao dịch được coi là cam kết không thay đổi. Trường hợp thay đổi hoặc hủy bỏ phải được hai bên giao dịch thống nhất.

3. Trong trường hợp giao dịch ngoại tệ được thực hiện qua điện thoại, tổ chức tín dụng được phép cần đảm bảo điện thoại phải có chức năng ghi âm, lưu trữ và truy xuất được nội dung thoả thuận giao dịch. Trong ngày giao dịch, Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép xác nhận lại bằng văn bản do cấp có thẩm quyền ký duyệt sau khi thoả thuận qua điện thoại

4. Ngôn ngữ sử dụng trong giao dịch thông qua các phương tiện giao dịch là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

**Điều 11. Thời gian giao dịch**

1. Thời gian giao dịch ngoại tệ chính thức của Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng được phép theo giờ làm việc chính thức của Ngân hàng Nhà nước vào các ngày làm việc trong tuần.

2. Trường hợp phát sinh giao dịch ngoại tệ ngoài thời gian giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng được phép phải tổ chức thực hiện các giao dịch thông suốt, an toàn, đảm bảo quản lý rủi ro.

**Điều 12. Quy trình giao dịch**

1. Ngân hàng Nhà nước thông báo việc can thiệp ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ qua một trong các phương tiện sau:

a) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;

b) Hệ thống giao dịch của Refinitiv;

c) Các phương tiện khác.

2. Tổ chức tín dụng được phép có nhu cầu giao dịch ngoại tệ gửi đề nghị cho Ngân hàng Nhà nước qua các phương tiện giao dịch, đồng thời gửi văn bản (theo mẫu tại Phụ lục 4) đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) chậm nhất 16 giờ của ngày giao dịch (trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước có thông báo khác). Đề nghị giao dịch ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép phải được người có thẩm quyền trong danh sách đã gửi Ngân hàng Nhà nước ký duyệt.

3. Căn cứ văn bản đề nghị giao dịch của tổ chức tín dụng được phép và phương án can thiệp của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước xem xét, thỏa thuận và xác lập giao dịch với tổ chức tín dụng thông qua các phương tiện giao dịch.

4. Sau khi giao dịch được thống nhất xác lập giữa hai bên, xác nhận giao dịch phải được gửi qua hệ thống SWIFT (Society for Worldwide Interbank and Financial Telecommunication) hoặc các phương tiện khác được Ngân hàng Nhà nước chấp nhận.

**Điều 13. Thanh toán giao dịch**

1. Thanh toán cho giao dịch ngoại tệ phải được thực hiện theo hướng dẫn thanh toán chuẩn do tổ chức tín dụng được phép đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

2. Trường hợp ngày thanh toán trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ, Tết của thị trường ngoại tệ Việt Nam và/hoặc của thị trường xử lý thanh toán đối với đồng ngoại tệ trong giao dịch thì ngày thanh toán được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp.

3. Trường hợp thanh toán chậm so với thỏa thuận giao dịch giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng được phép, bên thanh toán chậm phải chịu mức phạt như sau:

 a) Nếu bằng đồng ngoại tệ, mức phạt tối đa bằng 150% lãi suất do ngân hàng đại lý thanh toán của bên bị thanh toán chậm áp dụng trên tài khoản thanh toán chuẩn nhận ngoại tệ tại thời điểm phát sinh tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

 b) Nếu bằng Đồng Việt Nam, mức phạt tối đa bằng 150% lãi suất cho vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phát sinh thanh toán chậm tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

**Chương III**

**CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

 **Điều 14. Chế độ thông tin báo cáo**

 1. Tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) theo quy định sau:

 a) Trường hợp không sử dụng hệ thống giao dịch của Refinitiv, thực hiện báo cáo tình hình giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng khác theo quy định chế độ báo cáo hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

b) Trường hợp có sử dụng hệ thống giao dịch của Refinitiv, thực hiện báo cáo theo quy trình hướng dẫn báo cáo giao dịch ngoại tệ qua hệ thống giao dịch của Refinitiv do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

 Kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch ngoại tệ qua hệ thống giao dịch của Refinitiv, các bên tham gia giao dịch phải báo cáo giao dịch được thực hiện trên hệ thống giao dịch của Refinitiv trong vòng 15 phút. Trong trường hợp các bên không thực hiện giao dịch trên hệ thống giao dịch của Refinitiv, việc báo cáo giao dịch phải được các bên thực hiện trên hệ thống giao dịch của Refinitiv trong vòng 45 phút.

2. Tổ chức tín dụng được phép phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) trước thời điểm có hiệu lực khi có bất cứ thay đổi nào đối với thông tin đã đăng ký với Ngân hàng nhà nước tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 Thông tư này.

3. Tổ chức tín dụng được phép được miễn trách nhiệm tuân thủ thời gian thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm b) khoản 1 Điều 14 Thông tư này trong trường hợp xảy ra các sự cố bất khả kháng sau:

a) Lỗi kết nối đường truyền từ hệ thống máy chủ chứa dữ liệu báo cáo của tổ chức tín dụng được phép đến Ngân hàng Nhà nước có nguyên nhân bắt nguồn từ nhà cung cấp dịch vụ đường truyền;

b) Hệ thống giao dịch của Refinitiv gặp sự cố kỹ thuật có nguyên nhân bắt nguồn từ nhà cung cấp dịch vụ của Refinitiv;

c) Các trường hợp mất điện bắt nguồn từ nguyên nhân khách quan hoặc nhà cung cấp điện;

d) Hệ thống máy chủ báo cáo của Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố kỹ thuật;

đ) Các trường hợp khác bắt nguồn từ các nguyên nhân khách quan.

Ngay sau khi sự cố được khắc phục, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm báo cáo các giao dịch đã hoàn tất nhưng chưa được báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch). Các bước thực hiện báo cáo các giao dịch này thực hiện theo quy trình hướng dẫn báo cáo giao dịch ngoại tệ qua hệ thống giao dịch do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

 **Điều 15. Tạm ngừng giao dịch, hủy quan hệ giao dịch**

 1. Ngân hàng Nhà nước tạm ngừng giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép 03 (ba) tháng trong các trường hợp sau:

 a) Gửi báo cáo không đúng thời hạn hoặc không đúng nội dung theo quy định từ 03 (ba) lần trở lên trong 01 (một) quý.

 b) Không gửi báo cáo 03 (ba) lần trở lên trong 01 (một) quý.

 c) Tổ chức tín dụng được phép không tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

 2. Ngân hàng Nhà nước tạm ngừng giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép trong thời gian các tổ chức tín dụng được phép bị đặt trong tình trạng:

 a) Kiểm soát đặc biệt.

 b) Thu hẹp hoặc đình chỉ hoạt động giao dịch ngoại hối theo kết luận, thông báo của Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

 3. Ngân hàng Nhà nước hủy quan hệ giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép trong các trường hợp sau:

 a) Tổ chức tín dụng được phép bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Tổ chức tín dụng được phép có những vi phạm nghiêm trọng trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng liên quan đến hoạt động ngoại hối theo kết luận, thông báo của Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

4. Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép nêu rõ lý do về việc tạm ngừng, huỷ quan hệ giao dịch.

5.Tổ chức tín dụng được phép không được thiết lập lại quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bị hủy quan hệ giao dịch ngoại tệ. Hồ sơ, thủ tục thiết lập lại quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước thực hiện như thủ tục đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ lần đầu.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP VÀ**

**CÁC ĐƠN VỊ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

 **Điều 16. Tổ chức tín dụng được phép**

 1. Tổ chức tín dụng được phép chịu trách nhiệm về:

 a) Giao dịch do các giao dịch viên của tổ chức tín dụng được phép thực hiện thông qua các phương tiện giao dịch đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước; tính xác thực đối với thẩm quyền của cá nhân liên quan trong các giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

 b) Tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ và chấp hành đúng thời gian yêu cầu đối với các văn bản, hồ sơ, báo cáo gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

 2. Tổ chức tín dụng được phép chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về hoạt động trong lĩnh vực ngoại hối và phải bảo đảm:

 a) Có quy trình, hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ chặt chẽ, đảm bảo quản lý các hoạt động giao dịch ngoại tệ.

 b) Chấp hành quy định về trạng thái ngoại tệ và các quy định về đảm bảo an toàn khác trong hoạt động kinh doanh ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

 **Điều 17. Sở Giao dịch**

 1. Xử lý hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép, xem xét và trả lời tổ chức tín dụng được phép về việc chấp thuận hay không chấp thuận việc thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ.

2. Thông báo phương án can thiệp ngoại tệ và thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước; thông báo tỷ giá tham khảo theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

3. Xác định mức lãi suất phạt và xử lý việc thanh toán chậm tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này dựa trên đánh giá tác động của từng trường hợp chậm thanh toán của tổ chức tín dụng được phép.

4. Theo dõi và thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng được phép theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

5. Thông báo cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về danh sách tổ chức tín dụng được phép được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ, tạm ngừng và hủy quan hệ giao dịch ngoại tệ.

6. Đầu mối giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng được phép.

 **Điều 18. Vụ Chính sách tiền tệ**

1. Thông báo phương án can thiệp của NHNN đã được phê duyệt cho Sở Giao dịch.

2. Phối hợp với Sở Giao dịch giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng được phép.

 **Điều 19. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**

 Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thông báo kịp thời cho Sở Giao dịch các trường hợp sau:

 1. Tổ chức tín dụng được phép có những vi phạm các quy định tại Thông tư này và các vi phạm nghiêm trọng trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng liên quan đến hoạt động ngoại hối theo kết luận, thông báo của Ngân hàng Nhà nước.

 2. Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

 3. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép theo Luật Các tổ chức tín dụng hoặc thu hồi các văn bản liên quan đến hoạt động, kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước đã cấp cho tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

 4. Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể, phá sản đối với các tổ chức tín dụng được phép có quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

 **Điều 20. Hiệu lực thi hành**

 Thông tư này có hiệu lực từ ngày …tháng … năm…, thay thế Thông tư số Thông tư 02/2012/TT-NHNN ngày 27 tháng 02 năm 2012 về hướng dẫn giao dịch hối đoái giữa Ngân hàng Nhà nước Việt nam với các Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các Thông tư sửa đổi, bổ sung số 27/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013, Thông tư số 45/2014/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2014.

 **Điều 21. Quy định chuyển tiếp**

 Tổ chức tín dụng được phép đã thiết lập quan hệ giao dịch hối đoái với Ngân hàng Nhà nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước theo các quy định tại Thông tư này, không phải làm thủ tục đăng ký lại với Ngân hàng Nhà nước.

 **Điều 22. Tổ chức thực hiện**

 Chánh Văn phòng, Giám đốc Sở Giao dịch, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** **-** Như Điều 28;- Ban Lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ:- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Lưu: VP, Vụ PC, SGD (03). | **THỐNG ĐỐC** |
|  |  |

**PHỤ LỤC 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Tổ chức tín dụng được phép** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  | *….., ngày … tháng … năm ….* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ THIẾT LẬP QUAN HỆ
GIAO DỊCH NGOẠI TỆ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

 (Sở Giao dịch NHNN)

Tên Tổ chức tín dụng được phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Trụ sở chính/ Hội sở chính (hoặc chi nhánh đại diện giao dịch):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Các phương tiện giao dịch đăng ký:

Hệ thống giao dịch:

Mã (code) giao dịch:

Điện thoại giao dịch:

Giấy phép thành lập và hoạt động số …….. ngày …..

(Tổ chức tín dụng được phép) xin đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP****(Ký tên, đóng dấu)** |

 **PHỤ LỤC 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Tổ chức tín dụng được phép** |  *…..., ngày … tháng … năm...* |

**HƯỚNG DẪN THANH TOÁN CHUẨN**

**CHO CÁC GIAO DỊCH NGOẠI TỆ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại đồng tiền** | **Hướng dẫn thanh toán** | **Liên hệ***(tên thanh toán viên và điện thoại liên hệ)* |
| VND | Tại Ngân hàng:Số tài khoảnCode CITAD |  |
| USD | Tại Ngân hàng:Số tài khoản:Code SWIFT, CITAD: |  |
| EUR | Tại Ngân hàng:Số tài khoản:Code SWIFT: |  |
| ………… |  |  |
| *Ghi chú: Khi có thay đổi nội dung hướng dẫn thanh toán, tổ chức tín dụng phải gửi lại hướng dẫn thanh toán mới theo mẫu này tới NHNN (SGD) trước thời điểm hiệu lực. Chỉ đăng ký với USD và VND, các loại ngoại tệ khác đăng ký khi có thông báo của NHNN* |
|  |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP****(Ký tên, đóng dấu)** |
|  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC 3**Tổ chức tín dụng được phép (Tên TCTD được phép) đăng ký danh sách những người có thẩm quyền trong giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên  | Chức vụ  | Mẫu chữ ký |
| Người có thẩm quyền ký duyệt hồ sơ đăng ký mua, bán ngoại tệ với NHNN  |  |  |
| 1. … |  |  |
| 2. … |  |  |
| … |  |  |
| Người có thẩm quyền ký xác nhận giao dịch (\*) |  |  |
| 1. … |  |  |
| 2.… |  |  |
| … |  |  |

 *(\*) Ký xác nhận giao dịch trong trường hợp giao dịch bằng điện thoại.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP****(Ký tên, đóng dấu)** |

**PHỤ LỤC 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Tổ chức tín dụng được phép** |  *…..., ngày … tháng … năm...* |

**ĐỀ NGHỊ GIAO DỊCH NGOẠI TỆ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  (Sở Giao dịch NHNN)1. Mục đích, lý do mua/bán ngoại tệ:
2. Tổng trạng thái ngoại tệ của ngày làm việc trước ngày đề nghị mua/ bán ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước (Theo quy định về trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ):
3. Số lượng đăng ký mua/bán ngoại tệ:
4. Loại hình giao dịch
5. Thông tin khác (nếu có)
 |  |
|

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người có thẩm quyền ký duyệt hồ sơ đăng ký mua, bán ngoại tệ với NHNN (đã đăng ký tại Phụ lục 3)****(Ký tên, đóng dấu)** |

 |  |